TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM PỒ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/HS-ST
Ngày 25 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Bách
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Tráng A Sủ
2. Ông Khoàng Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Sùng A L sinh ngày 16 tháng 7 năm 1970 tại xã Tủa Sín Chải, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Nơi thường trú: Bản Na Cô Sa 4, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên; Thẻ CCCD: 011070000891; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hoá: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng A M sinh năm 1943 (đã chết) và con bà Giàng Thị M sinh năm 1945 (đã chết); Bị cáo Sùng A L có vợ tên là Thào Thị S sinh năm 1971. Có 04 con, lớn nhất 27 tuổi, nhỏ nhất 17 tuổi. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 21 tháng 5 năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé xử phạt 28 (Hai mươi tám) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Ngày 25 tháng 10 năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ xử phạt 24 (Hai bốn) tháng tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù và các quyết định khác của bản án, đến nay đã được xóa án tích. Bị cáo Sùng A L bắt tạm giữ từ ngày 30 tháng 5 năm 2024 đến ngày 02 tháng 6 năm 2024, tạm giam từ ngày 02 tháng 6 năm 2024 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Sùng A L: Bà Giàng Thị Nhung trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên tham gia tố tụng. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 30 tháng 5 năm 2024 bị cáo Sùng A L đi bộ từ nhà ở bản Na Cô Sa 4, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ đến bản Nậm Chẩn, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên với mục đích tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến nơi bị cáo Sùng A L gặp một người phụ nữ dân tộc Mông khoảng 50 tuổi, không biết tên, địa chỉ ở đâu. Qua nói chuyện biết người phụ nữ này có ma túy bán. Bị cáo Sùng A L đã mua được của bà ta 01 (một) gói Heroine với số tiền là 1.000.000 đồng, mua bán xong người phụ nữ đó đi đâu bị cáo không biết, còn bị cáo Sùng A L cất vào túi quần bên phải đi bộ về nhà. Khoảng 13 giờ ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại bản Nậm Chẩn, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên bị tổ công tác Đồn biên phòng Na Cô Sa và Công an xã Na Cô Sa phối hợp phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng vụ án và đưa về Công an huyện Nậm Pồ để làm rõ.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 Công an huyện Nậm Pồ cùng với Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Pồ tiến hành mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng, khối lượng Heroine là 7,3 gam thu giữ của Sùng A L.

Bản kết luận giám định số: 884/KL-KTHS ngày 01 tháng 6 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Vật chứng thu giữ của Sùng A L có khối lượng 7,3 gam các cục chất bột màu trắng đục dạng nén là chất ma túy: Loại Heroine.

- Hoàn lại đối tượng giám định và toàn bộ bao bì niêm phong cũ có biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng kèm theo.

Bản cáo trạng số: 58/CT-VKSNP ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Pồ đã truy tố Sùng A L để xét xử về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Sùng A L từ **05** (năm) năm **06** (sáu) tháng tù đến **06** (sáu) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 BLHS đối với bị cáo; Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy vật chứng vụ án. Áp dụng Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng A L không có ý kiến tranh luận về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố cũng như phần luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời không có ý kiến khiếu nại về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đề nghị HĐXX xem xét đến điều kiện sinh sống của bị cáo dẫn đến nhận thức pháp luật có phần hạn chế; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xem xét xử phạt cho bị cáo Sùng A L mức đầu khung hình phạt; đề nghị không áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; đề nghị không áp dụng khoản 5 Điều 249 BLHS về hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về án phí, đề

nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết 326 của UBTVQH khóa 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nhất trí với nội dung truy tố trong Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo Sùng A L nhất trí với lời bào chữa và không có ý kiến bổ sung; không có ý kiến khiếu nại về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Lời sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội bị cáo thấy: Lời khai nhận tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng đã có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 10 giờ ngày 30 tháng 5 năm 2024 bị cáo Sùng A L đi bộ từ nhà ở bản Na Cô Sa 4, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ đến bản Nậm Chẩn, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên với mục đích tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến nơi bị cáo Sùng A L gặp một người phụ nữ dân tộc Mông khoảng 50 tuổi, không biết tên, địa chỉ ở đâu. Qua nói chuyện biết người phụ nữ này có ma túy bán. Bị cáo Sùng A L đã mua được của bà ta 01 (một) gói Heroine với số tiền là 1.000.000 đồng, mua bán xong người phụ nữ đó đi đâu bị cáo không biết, còn bị cáo Sùng A L cất vào túi quần bên phải đi bộ về nhà. Khoảng 13 giờ ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại bản Nậm Chẩn, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên bị tổ công tác Đồn biên phòng Na Cô Sa và Công an xã Na Cô Sa phối hợp phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng vụ án. Do đó HĐXX có đủ căn cứ kết luận bị cáo Sùng A L đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 249 BLHS.

Việc VKSND huyện Nậm Pồ truy tố bị cáo Sùng A Lừ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

[2] Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội bị cáo thấy: Đây là vụ án nghiêm trọng về ma túy, mặc dù bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây những tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, gây mất trật tự trị an, cản trở tới việc thực hiện các chính sách kinh tế, làm gia tăng các tệ nạn xã hội, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, ảnh hưởng đến sức khỏe con người và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần xử lý bị cáo với mức hình phạt thỏa đáng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo thấy: Ngày 21 tháng 5 năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé xử phạt 28 (Hai mươi tám) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Ngày 25 tháng 10 năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ xử phạt 24 (Hai bốn) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù và các quyết định khác của bản án, đến nay đã được xóa án tích.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Sùng A Lừ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 BLHS.

[4] Từ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần áp dụng một hình phạt thỏa đáng để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Sùng A L từ **05** (năm) năm **06** (sáu) tháng tù đến **06** (năm) tù. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần xem xét xử phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; HĐXX xét thấy có căn cứ áp dụng. Đề nghị HĐXX xử phạt mức đầu khung hình phạt. HĐXX xét thấy việc đề nghị của người bào chữa là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*". Xét thấy bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, thường trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát, người bào chữa về việc không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với người phụ nữ bán Heroine cho bị cáo; do bị cáo không biết tên, địa chỉ ở đâu do đó không có cơ sở để xử lý trong vụ án.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng: 6,58 gam Heroine, 01(một) mảnh ni lon màu hồng và 02 (hai) phong bì đã được niêm phong là vật chứng vụ án Sùng A L.

[8] Về án phí: Xét thấy bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, thường trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Ngày 12 tháng 9 năm 2024 bị cáo Sùng A L đã có đơn đề nghị miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; HĐXX quyết định miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát; Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa không khiếu nại hoặc ý kiến gì. Như vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng,

những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Áp dụng Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS;

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sùng A L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2.Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Sùng A L: **05** (năm) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 30 tháng 5 năm 2024.

3.Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng: 6,58 gam Heroine; 01(một) mảnh ni lon màu hồng và 02 (hai) phong bì đã được niêm phong là vật chứng vụ án Sùng A L.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa Công an huyện Nậm Pồ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Pồ.

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5.Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo Sùng A L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25 tháng 9 năm 2024).

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA Tòa án tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Nậm Pồ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQĐT, NTG Công an huyện Nậm Pồ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Nậm Pồ;
- Bộ phận hồ sơ Công an huyện Nậm Pồ;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Chi cục THADS huyện Nậm Pồ;
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp;
- Lưu HS, HSTHA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giàng A Bách